

Bản án số: 340/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 29/8/2019

V/v “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ

Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Bảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Thanh Bình;

Ông Lê Văn Phú.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Vũ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Trà Mi - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 243/2019/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 370/2019/QĐST-HNGĐ ngày 26/7/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số nhà 593, ấp VL, xã VH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm: 1987; Địa chỉ: Số nhà 207, tổ 9, ấp PT, xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

(Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2019 cùng với các tài liệu, chứng cứ kèm theo và quá trình tố tụng tại Tòa án, bà Nguyễn Thị K trình bày: Hôn nhân giữa bà và ông Trần Văn L do cha mẹ định đoạt, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PH, huyện An Phú, tỉnh An Giang vào ngày 28/5/2012. Sau khi

kết hôn cả hai lên thành phố Hồ Chí Minh làm công nhân được khoảng 01 tháng, sau đó về quê sinh sống khoảng 01 tháng thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình giữa hai bên không hợp, thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi vã. Khi không còn chung sống với nhau cha mẹ hai bên có đứng ra hàn gắn nhưng không thành và hai gia đình có làm tờ tự thỏa thuận ly hôn vào ngày 07/8/2012, từ đó không còn chung sống với nhau nữa. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, nay bà yêu cầu xin ly hôn với ông L.

- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.
- Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn ông Trần Văn L không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu của bà K.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thông báo thụ lý, hòa giải cũng như thông báo về việc tiếp cận, công khai chứng cứ cho ông L theo quy định nhưng ông L vắng mặt không lý do.

Để xác định nguyên nhân của việc phát sinh tranh chấp, Tòa án đã thực hiện thủ tục thu thập chứng cứ là xác minh tình trạng mâu thuẫn vào ngày 26/7/2019, được ông Trần Văn Ngung là cha của ông L cho biết hôn nhân giữa L và K là do cha mẹ định đoạt, sau đó tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại xã PH. Sau khi kết hôn cả hai ở nhà ông được khoảng 01 tháng rồi lên thành phố Hồ Chí Minh làm thuê được 01 tháng rồi quay về nhà ông, sau đó bà K trốn đi không biết đi đâu và làm gì, gia đình ông có đi tìm và gặp bà K sống ở nhà bà con của K ở Tri Tôn. Gia đình hai bên có hàn gắn lại tình cảm của cả hai nhưng K kiên quyết không chịu chung sống lại với L. Gia đình hai bên mới làm giấy thỏa thuận tay vào ngày 07/8/2012 với nội dung là ly hôn, sau này giữa hai bên có quyền có vợ hoặc chồng khác, bên gia đình K có trả lại nữ trang vàng cưới cho gia đình ông. Giữa L và K không có con chung, L vẫn biết K xin ly hôn nhưng do làm công ty nên không về được. Hiện L vẫn còn đăng ký hộ khẩu chung với ông và về địa phương thăm ông thời gian gần đây là vào dịp lễ 30/4 -01/5/2019.

Tại biên bản xác minh ngày 26/7/2019 được công an xã PH cho biết hiện ông L vẫn còn đăng ký thường trú tại xã theo tàng thư công an đang giữ.

Bà K vẫn bảo lưu ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Riêng ông L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện Kiểm sát thực hành quyền kiểm tra, giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa phát biểu: Về việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán trong việc xác định quan hệ tranh chấp, tư cách người tham gia tố tụng, hòa giải, xác minh thu thập chứng cứ ... là hoàn toàn phù hợp với pháp luật tố tụng dân sự. Thành phần Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa

không thuộc trường hợp phải thay đổi, việc xét hỏi tại phiên tòa cũng như thủ tục xét xử vắng mặt được đảm bảo.

Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Căn cứ vào các chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình hỏi đáp tại phiên tòa cho thấy hôn nhân của bà K và ông L có mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không thể kéo dài nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của bà K theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Do bà K không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên tòa và sau khi nghe đương sự trình bày tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Trần Văn L, ông L có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Phú. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình về ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Phú.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bà K có đơn xin xét xử vắng mặt, ông L được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông, bà theo khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa bà K và ông L có đăng ký kết hôn theo quy định nên là hôn nhân hợp pháp được công nhận theo Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Xét yêu cầu của bà K ly hôn với ông L thì thấy: Trong đời sống hôn nhân giữa hai bên có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không phù hợp, không có tiếng nói chung, mặc dù gia đình hai bên cố gắng hàn gắn nhưng không thành và cả hai có làm tờ thỏa thuận vào ngày 07/8/2012 về việc ly hôn, kể từ đó ông L và bà K đã không còn chung sống với nhau nữa.

Bà K vẫn bảo lưu ý kiến và có đơn xin xét xử vắng mặt. Ông L đã được tổng đạt họp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án về việc bà K xin ly hôn nhưng ông không có ý kiến. Ngoài ra thời gian không còn chung sống của hai người đã lâu nhưng cả hai không có thiện chí hàn gắn lại tình cảm gia đình. Do vậy có căn cứ cho thấy mục đích hôn nhân giữa hai bên không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mâu thuẫn vợ chồng đã thật sự trầm trọng nên yêu cầu ly hôn của bà K là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Không có nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Do bà K không yêu cầu nên không xem xét giải quyết và không đề cập trong phần quyết định.

[5] Về án phí: Bà K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 9, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị K.

Bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Trần Văn L.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 70 ngày 28/5/2012 tại UBND xã PH không còn giá trị pháp lý khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai thu số 0011380 ngày 24/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú (bà K đã nộp đủ).

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc vắng mặt khi tuyên án, thời hạn kháng cáo là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh AG (1);
- VKS tỉnh AG (1);
- VKS huyện AP (2);
- THADS huyện AP (1);
- UBND xã PH (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu HS, VP (2);

Nguyễn Quang Bảo